NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 09/4/2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu

1. Căn cứ.

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Bộ Nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam 2026;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

2. Vấn đề.

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng và công bố Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026 hướng dẫn áp dụng thông lệ tốt nhất trong quản trị công ty dành cho công ty đại chúng.
- Để áp dụng theo Bộ Nguyên tắc và nâng cao hiệu quả công tác quản trị, Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Kiến nghị.

Hội đồng quản trị kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu theo dự thảo đính kèm.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Hùng Huy

Đính kèm:
- Phụ lục 1: Các nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Phụ lục 2: Dự thảo (sửa đổi, bổ sung) Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

(Đính kèm Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu)

Stt	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung điều chỉnh	Căn cứ
Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Ngân hàng (bổ sung Điều mới)			
1	Chưa có	Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Ngân hàng Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây: 1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ. 2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và hướng tới chuẩn mực quốc tế. 3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông. 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông. 5. Ngăn ngừa xung đột lợi ích. 6. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng. 7. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng. 8. Ngân hàng ban hành và duy trì Bộ Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho HĐQT, BKS, Ban Điều hành và người lao động, bảo đảm chuẩn mực đạo đức, tính chính trực và văn hóa tuân thủ.	- Theo Nguyên tắc và Thông lệ quản trị công ty tốt của ASEAN; - Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026; - Và không trái quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Theo ACGS và VNCG Code")
Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (điều chỉnh khoản 1)			
2	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc **cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).** Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp; **và** đường dẫn đến	Đảm bảo phù hợp với nội dung tại Điều lệ (bổ sung, sửa đổi).

Stt	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung điều chỉnh	Căn cứ
	Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp; đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp đã được đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để các cổ đông có thể tiếp cận.	toàn bộ tài liệu họp **theo quy định tại Điều lệ ngân hàng** đã được đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để các cổ đông có thể tiếp cận.	
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị (điều chỉnh tên điều và khoản 3, khoản 4)			
3	(Tên Điều) Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	(Tên Điều) Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	Cho phù hợp với nội dung
4	3.d. Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua	3d. Xây dựng **Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng**, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua	Phù hợp với thực tế
5	4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, **bao gồm nhưng không giới hạn ở nội dung của Điều 62 về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích).**	Để nhấn mạnh nội dung quan trọng theo ACGS và VNCG Code.
Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị (bổ sung thêm điểm f tại khoản 2)			
6	Chưa có	f. Thời gian giữ vị trí thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ, hoặc 10 năm cộng dồn.	Theo ACGS và VNCG Code
Điều. Tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị (bổ sung Điều mới)			
8	Chưa có	Tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng: Đảm bảo điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, và quy định tại Điều 16 của Quy chế này.	Theo ACGS và VNCG Code

Stt	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung điều chỉnh	Căn cứ
Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty (bỏ)			
9	Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.	Bỏ	Đã có trong dự thảo Quy chế, tại Điều 26
Điều 24. Tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty (bỏ)			
10	Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.	Bỏ	Gộp nội dung này vào điều khoản quy định về Người phụ trách quản trị công ty.
Điều…. Thư ký công ty (bổ sung mới)			
11	Chưa có	Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều người làm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, đặc biệt là thành viên HĐQT mới, thực hiện trách nhiệm của mình. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm: 1. Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần và tư vấn về thủ tục các cuộc họp cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT; 2.Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông; đóng vai trò cầu nối về thông tin giữa HĐQT và Ban điều hành. 3. Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng; 4. Cố vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết; 5. Quản lý các quy trình liên quan đến các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	Theo ACGS và VNCG Code

Stt	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung điều chỉnh	Căn cứ
		6. Theo dõi các tiến triển trong quản trị công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan. 7. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. 8. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị, của văn bản pháp luật khác có liên quan. Thư ký công ty đồng thời cần phải thường xuyên phát triển chuyên môn, duy trì sự trung lập và khách quan trong việc hỗ trợ HĐQT và các chủ thể có liên quan trong quá trình làm việc.	
Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty (điều chỉnh tên và khoản 1)			
12	(Tên Điều) Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty	(Tên Điều) Người phụ trách quản trị công ty	Cho phù hợp với nội dung
13	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. **Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.** Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.	Gộp nội dung của Điều khoản đã bỏ bên trên.

(Những điểm điều chỉnh: được in đậm)

PHỤ LỤC 2: QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /TCQĐ-ĐHĐCĐ.26 ngày tháng năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

DỰ THẢO

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 3
Điều 2. Đối tượng áp dụng 3
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản 3
Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Ngân hàng 3
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 3
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 3
Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp 3
Điều 7. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 4
Điều 8. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 4
Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 10. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 12. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 7
Điều 13. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị 8
Điều 15. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 9
Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị 9
Điều 17. Tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị 10
Điều 18. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị 10
Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị 11
Điều 20. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 11
Điều 21. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 11
Điều 22. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị 12

Điều 23. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị 12
Điều 24. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị 12
Điều 25. Thư ký công ty 12
Điều 26. Người phụ trách quản trị công ty 13
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT 13
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 13
Điều 28. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 13
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát 14
Điều 30. Đề cử thành viên Ban kiểm soát 14
Điều 31. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát 14
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 14
Điều 33. Các cuộc họp của Ban kiểm soát 14
Điều 34. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 15
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC 15
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc 15
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc 15
Điều 37. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc 15
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc 15
Điều 39. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc 16
Điều 40. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc 16
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 16
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát 16
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc 16
Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc 17
CHƯƠNG VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 17
Điều 44. Khen thưởng 17
Điều 45. Kỷ luật 18
CHƯƠNG VIII .ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN 18
Điều 46. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung 18

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật sẽ được áp dụng.
2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Ngân hàng

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ.
2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và hướng tới chuẩn mực quốc tế.
3. Tôn trọng và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
5. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.
6. Đảm bảo vai trò của các bên có liên quan đến Ngân hàng.
7. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
8. Ngân hàng ban hành và duy trì Bộ Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành và người lao động.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Luật Các tổ chức tín dụng (Luật Các TCTD) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ của Ngân

hàng

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ tùy thân của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông:
   a. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
   b. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Điều 7. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp; và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp theo quy định tại Điều lệ ngân hàng đã được đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để các cổ đông có thể tiếp cận.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền lại cho người khác dự họp bằng văn bản nếu được cổ đông đồng ý nhưng không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử đi dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
3. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số giấy tờ tùy thân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình;

b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: (i) Thông tin bên ủy quyền (Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số giấy tờ tùy thân của cá nhân đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân); (ii) Số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; (iii) Thông tin bên được ủy quyền (họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân). Bên ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của bên ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của bên ủy quyền.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

Điều 10. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Chủ tọa).
2. Cổ đông biểu quyết về các vấn đề theo Quy chế biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
4. Ban kiểm phiếu có số lượng không quá 03 người được Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa giới thiệu nhân sự bầu vào Ban kiểm phiếu, quyết định phương thức kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết bằng giơ tay hoặc phương thức khác và phân công bộ phận tổ chức cuộc họp tiến hành kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa.
5. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức họp trực tuyến, hoặc bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và phổ biến cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên, chủ yếu gồm các nội dung sau đây:

    a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

    b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

    c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

    d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

    e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

    f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

    g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại đại hội cổ đông.
3. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp.

Điều 12. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông được thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

Điều 13. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ các nội dung sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
   b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
   c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
   d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý, người điều hành.
5. Biên bản kiểm phiếu được gửi đến cho cổ đông thông qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các đơn vị trong Ngân hàng.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ sau:
   a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng;
   b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan;
   c. Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;
   d. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua;
   e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
   f. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
   g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác của Ngân hàng;
   h. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại đại hội cổ đông.

4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn ở nội dung của Điều 62 về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích).

Điều 15. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
   a. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các TCTD;
   b. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
   c. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;
   d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   a. Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;
   b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;
   c. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e. Không phải là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

f. Thời gian giữ vị trí thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ.

Điều 17. Tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị

Tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng: Đảm bảo điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, và quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

Điều 18. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
5. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
   a. Họ tên;
   b. Ngày, tháng, năm sinh;
   c. Trình độ học vấn và chuyên môn;
   d. Quá trình công tác;
   e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có);

f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);

g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);

Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng của ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có).

Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ của Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 20. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
   b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;
   d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định của Luật Các TCTD.
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 21. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 bản sao cho Tổng giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

Điều 24. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban theo quy định của pháp luật và theo nhu cầu hoạt động của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng ủy ban.
3. Người đứng đầu các ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro. Các ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.
   a. Mỗi ủy ban phải có tối thiểu 03 thành viên, gồm chủ nhiệm ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm.
   b. Sau khi được thành lập, chủ nhiệm ủy ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của ủy ban phù hợp với Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ủy ban.

Điều 25. Thư ký công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều người làm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, đặc biệt là thành viên HĐQT mới, thực hiện trách nhiệm của mình. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

1. Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần và tư vấn về thủ tục các cuộc họp cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT;
2. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông.
3. Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng;
4. Tư vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết;
5. Quản lý các quy trình liên quan đến các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Theo dõi các tiến triển trong quản trị công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị

công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan.

7. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
8. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị, của văn bản pháp luật khác có liên quan.

Thư ký công ty đồng thời cần phải thường xuyên phát triển chuyên môn, duy trì sự trung lập và khách quan trong việc hỗ trợ Hội đồng quản trị và các chủ thể có liên quan trong quá trình làm việc.

Điều 26. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d. Tham dự các cuộc họp;
   e. Tư vấn về thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
   g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
   h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
   i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD, Điều lệ của Ngân hàng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 28. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với

số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

2. Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
3. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;
5. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Điều 30. Đề cử thành viên Ban kiểm soát

Việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như cách thức đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 16 Quy chế này.

Điều 31. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Ban kiểm soát của Ngân hàng;
   b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;
   d. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm khác do Điều lệ của Ngân hàng quy định.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 33. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Các cuộc họp và việc thông qua quyết định của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 34. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được là Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
3. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
4. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
5. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Luật Các TCTD và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 37. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
4. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

Điều 39. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

Điều 40. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Trưởng Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
5. Trưởng Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị và, nếu thấy cần thiết, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc

1. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến, nếu thấy cần thiết.
2. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng giám đốc hoặc người quản lý, người điều hành khác chủ trì;

người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, thì Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến. Tổng giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản cuộc họp này.
2. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Tổng giám đốc, ngoài việc báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, cần báo cáo cho Trưởng Ban kiểm soát, nếu thấy cần thiết.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

CHƯƠNG VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 44. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, và Tổng giám có thành tích trong việc quản trị, kiểm soát và điều hành Ngân hàng sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 45. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác, thì tuỳ theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng.
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

CHƯƠNG VIII .ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 46. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung

1. Ngân hàng được áp dụng quy định chuyển tiếp theo Điều 210 Luật Các TCTD.
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu ban hành kèm Nghị quyết số 1905/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 ngày 08/4/2025.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy